

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình,
ly hôn,*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hùng B, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Khu dân cư ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Kim Thị Diễm T, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Khu dân cư ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông B có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo ông Phạm Hùng B trình bày: Ông và bà T là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không tổ chức đám

cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 06/3/2008. Ông bà chung sống tại xã Đ, huyện A vợ chồng làm thuê kiếm sống. Cuộc sống vất vả nhưng cũng được xem là hạnh phúc.

Đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Nay, ông xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông B xác định không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tông đạt cho bà Kim Thị Diễm T theo quy định nhưng bà T không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông B và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ông Trần Minh C – trưởng ấp H ngày 26/01/2021 cho biết: Bà Kim Thị Diễm T cùng chồng sinh sống tại khu dân cư ấp H, xã Đ. Tuy nhiên, hiện nay bà T không có ở nhà.

Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Thị H - hàng xóm ngày 26/01/2021 cho biết: Ông B và bà T đã không còn chung sống khoảng 4 – 5 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bà không rõ chỉ nghe hai vợ chồng cãi nhau về tiền bạc sau đó bà T bỏ đi.

Tại phiên tòa, ông B và bà T đều vắng mặt. Riêng ông B có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Hùng B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Kim Thị Diễm T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông B vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Bà Kim Thị Diễm T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung: Hôn nhân giữa ông B và bà T là do tự tìm hiểu, ông bà đồng ý tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới nhưng có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ số 24 ngày 06/3/2008 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông B vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà T. Thời gian ly thân giữa ông B và bà T từ năm 2015 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống. Bà T bỏ đi thể hiện việc không đồng ý tiếp tục chung sống với ông B. Lời trình bày của ông B phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án tại đại phương. Xét thấy mâu thuẫn của ông B và bà T không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của ông B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông B xác định không có nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng B

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Hùng B được ly hôn với bà Kim Thị Diễm T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 06/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã Đ mang tên ông Phạm Hùng B và bà Kim Thị Diễm T không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: Ông Phạm Hùng B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006885 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông B đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: Ông B, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vph
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc